

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 16-7-2018  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nghi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Cúc

Ông Phạm Văn Hay

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13 /2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018, về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Vũ Thị H – sinh năm 1986; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Đình H – sinh năm 1978; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 29/01/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày như sau:

Năm 2008, chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đình H tự nguyện tổ chức kết hôn với nhau nhưng đến năm 2009, giữa hai người mới đăng ký kết hôn, việc kết hôn được đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã S, nay là phường B, thành phố S. Từ khi kết hôn anh và chị sống vui vẻ hạnh phúc, nhưng chỉ được thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H sử dụng ma túy, nên thường xuyên không quan tâm tới cuộc sống gia đình, cũng chính lý do nghiện ma túy mà vào khoảng tháng 5 năm 2010, anh H bị Công an phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, quyết định bắt buộc cai nghiện 02 năm, sau khi cai nghiện về nhà, anh lại tiếp tục phạm tội và bị phạt tù 02 năm. Khoảng thời gian

hơn 04 năm sống tại Hà Nội, mình chị vừa nuôi con, vừa phải đi thăm nuôi anh H, chị hy vọng sau những lần vấp ngã, anh sẽ cai được ma túy để sống có trách nhiệm với bản thân và gia đình hơn. Tuy nhiên, sau khi chấp hành xong án phạt tù, anh H và chị H trở về phường B để làm ăn, sinh sống, chị hy vọng môi trường sống sẽ làm anh thay đổi để gia đình có cuộc sống hạnh phúc, nhưng sự hy vọng đó của chị không được như mong muốn. Anh H lại tiếp tục tái nghiện ma túy và thậm chí còn nghiện nặng hơn trước, từ đó trong cuộc sống tình cảm vợ chồng thì ngày càng mâu thuẫn nặng nề hơn. Tháng 02 năm 2017, anh H và chị H đã viết đơn ly hôn với nhau, từ đó anh bỏ đi mà không thông báo cho chị cũng như gia đình biết thông tin về anh. Nay chị thấy tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H và dành quyền nuôi con.

Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đình H có một con chung với nhau, tên cháu là Nguyễn Đình Sơn Tùng, sinh ngày 28/6/ 2009, hiện tại cháu Tùng đang ở với chị kể từ khi anh chị sống ly thân. Nay chị đề nghị giao cháu Nguyễn Đình Sơn Tùng cho chị được trực tiếp chăm sóc và không yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình H: Sau khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án, Văn phòng Thừa phát lại đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh H theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, sau nhiều lần Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Qua tiến hành xác minh tại nơi cư trú của bị đơn, được lập vào ngày 19/5/2018 thì Công an phường B cung cấp; anh Nguyễn Đình H sinh năm 1978 đã đăng ký nhân hộ khẩu thường trú tại khu phố Hòa Sơn, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, hiện anh H chưa chuyển khẩu và đăng ký tạm trú ở nơi khác, người thân và gia đình chị H cũng không biết rõ địa chỉ của anh H hiện cư trú ở đâu, gia đình chỉ liên lạc với anh qua điện thoại khi anh đi, còn đến nay thì số điện thoại của anh gia đình cũng không ai liên lạc được.

Để đảm bảo quy định hòa giải, Tòa án đã tiến hành thu thập thông tin về nguyên nhân phát sinh tranh chấp của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, và thực hiện niên yết văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật, trong thời hạn niên yết bị đơn không đến tòa án để làm việc. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được do một bên đương sự vắng mặt không có lý do. Cho đến nay việc giải quyết vụ án cũng không có thông tin nào về anh H, ngoài thông tin, địa chỉ do nguyên đơn cung cấp.

Tại phiên tòa lần thứ hai, có mặt chị Vũ Thị H, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

Kiểm sát viên tham gia tố tụng phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Bộ luật tố

tụng dân sự, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm về hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 05/3/2018, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn chị Vũ Thị H đối với bị đơn anh Nguyễn Đình H là tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, các đương sự có nơi cư trú tại thành phố Sầm Sơn nên vụ án được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp phải tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú nên không hòa giải được.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đình H kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được Ủy ban nhân dân phường B, thị xã S (nay là phường B thành phố S) cấp giấy chứng nhận kết hôn, tại thời điểm kết hôn anh H và chị H đều đủ tuổi kết hôn không vi phạm các quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Năm 2008 chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đình H tổ chức kết hôn và chính thức chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, đến năm 2009 anh, chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn, sau khoảng thời gian ngắn chung sống chị H phát hiện anh H là người nghiện ma túy, nên cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc. Tuy nhiên, cuộc hôn nhân vẫn được duy trì vì tình cảm của chị H vẫn mong muốn anh H quyết tâm từ bỏ ma túy để vợ chồng có cuộc sống tốt hơn, nhưng khi chấp hành xong án phạt tù, thì anh lại tiếp tục sử dụng ma túy. Vì vậy, niềm tin vào cuộc sống của chị đối với anh H đã không được như chị mong muốn, cũng chính vì thế mà dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay nguyện vọng của chị H xin được ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấm dứt quan hệ hôn nhân của anh và chị như hiện nay.

[4]. Xét việc vắng mặt của bị đơn: Anh Nguyễn Đình H, có đăng ký hộ khẩu tại khu phố Hòa Sơn, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, ngoài địa chỉ trên thì cơ quan quản lý cho biết, chưa chuyển hộ khẩu của anh đi khởi nơi cư trú. Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc anh vắng mặt khởi nơi cư trú và không thông báo nơi cư trú, làm việc mới cho nguyên đơn biết thì được coi là trường hợp cố tình lẩn tránh, cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho nguyên đơn và Tòa án trong việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập. Căn cứ vào các Điều 203 Điều 220,

Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án là đảm bảo với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi, ích cho đương sự trong vụ án.

[5] Về con chung: Trong giấy khai sinh cũng như sổ hộ khẩu gia đình do chị H cung cấp thì anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Đình Sơn Tùng, sinh ngày 28/6/ 2009. Hiện nay cháu đang ở với chị H kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Tại phiên tòa, anh H không có mặt nên không có thông tin về mức thu nhập và các điều kiện nuôi con đối với anh. Do đó, việc tiếp tục giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên là phù hợp. Anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, anh Nguyễn Đình H không cung cấp thông tin khai báo, cũng không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nên không có căn cứ xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị H không thuộc đối tượng xem xét miễn nộp, giảm tiền án phí, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Như vậy, chị phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm mức án phí không có giá ngạch nhưng được đối trừ vào số tiền án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thành phố Sầm Sơn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 14, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị H. Chị H được ly hôn với anh Nguyễn Đình H.

Về quyền nuôi con chung: Công nhận chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đình H có một con chung là cháu Nguyễn Đình Sơn Tùng, sinh ngày 28/6/2009, nay giao cháu Nguyễn Đình Sơn Tùng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi cháu thành niên, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Sau khi ly hôn anh H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, chị H và người thân không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0004013 ngày 05/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn (Chị H đã nộp đủ tiền án phí).

Án xử công khai có mặt chị Vũ Thị H vắng mặt anh Nguyễn Đình H, chị H được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Sầm Sơn.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKS Tp. Sầm Sơn;
- Chi cục THA DS Tp. Sầm Sơn;
- UBND phường B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Nghi**